

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02073**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục QP - An ninh**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			5	6.8	9.0		10.0		8.9
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			5.5	5.3	8.2		8.8		7.9
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			5	6.3	10.0		8.3		8.0
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			5.5	6.0	8.0		7.3		7.1
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			5.5	5.0	10.0		6.5		6.7
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			6.5	4.0	5.6		5.0		5.1
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			6	4.8	10.0		9.8		8.7
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			10	9.5	10.0		10.0		9.9
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			10	4.8	4.6		9.3		7.9
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			7	6.5	10.0		9.5		8.9
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			10	6.5	9.2		9.0		8.7
12	2453403020085	Nguyễn Quốc	Kỳ	17/10/2009			6	3.0	0.0		0.0	0.0	1.0
13	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			7	4.3	5.2		8.3		7.1
14	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			8.5	5.0	4.0		8.8		7.4
15	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			7	6.8	3.4		9.8		8.1
16	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			8.5	5.8	6.8		9.3		8.3
17	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			10	10.0	10.0		9.5		9.7
18	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			9	7.3	10.0		6.3		7.3
19	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			8	6.5	4.2		8.0		7.2
20	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			7.5	5.0	5.2		8.0		7.0
21	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			6.5	5.8	10.0		0.0	0.0	3.0
22	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			8	7.0	10.0		9.3		8.9
23	2453403020096	Bùi Đặng Hữu	Tài	16/04/2009			6.5	4.5	6.0		9.3		7.8
24	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			8	10.0	10.0		10.0		9.8
25	2453403020098	Dương Nhật	Thị	04/05/2009			4.5	7.5	5.8		9.8		8.4
26	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			5.5	7.3	6.2		9.5		8.3
27	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			8	6.3	7.4		5.3		6.0
28	2453403020101	Nguyễn Lê Bích	Trâm	24/06/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			7	5.3	6.0		9.0		7.8
30	2453403020103	Đinh Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			8.5	5.0	10.0		9.3		8.7
31	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			6	8.5	6.6		8.3		7.9
32	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			7.5	5.3	7.4		9.5		8.3
33	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			7.5	6.5	10.0		9.8		9.1
34	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			6	6.8	7.0		8.8		8.0
35	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			5.5	2.8	10.0		7.3		6.9
36	2453403020109	Lâm Yến	Vỹ	04/02/2009			5	4.8	5.6		8.8		7.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020110	Nguyễn Tường Vy	15/10/2009				6	6.8	10.0			8.3		8.1
38	2453403020111	Lâm Xuân Yến	11/08/2009				6.5	6.5	7.0			8.5		7.8

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Sang